

BIỂU 01. BỔ SUNG DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2025

(kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 6/11/2025 của HĐND xã

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năm thực hiện	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư							Kế hoạch vốn giai đoạn 2021- 2025					Kế hoạch vốn bố trí năm 2025					Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm ban hành (nếu có)	TMDT																
						Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Vốn huy động khác (Nhân dân, DN đóng góp)	Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó:				
								NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã			NSTW	Ngân sách tỉnh	xã	Vốn huy động khác (Nhân dân, DN đóng góp)		NSTW	Ngân sách tỉnh	xã	Vốn huy động khác (Nhân dân, DN đóng góp)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG					1.441,00	1.441,00	1.441,00			-	1.441,00	1.441,00	-	-	-	1.441,00	1.441,00	-	-	-	
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025					1.441,00	1.441,00	1.441,00			-	1.441,00	1.441,00	-	-	-	1.441,00	1.441,00	-	-	-	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc					1.441,00	1.441,00	1.441,00			-	1.441,00	1.441,00	-	-	-	1.441,00	1.441,00	-	-	-	
	Khởi công mới					1.441,00	1.441,00	1.441,00			-	1.441,00	1.441,00	-	-	-	1.441,00	1.441,00	-	-	-	
-	Công trình đường BTXM Thôn Bộ	Thôn Suối Lông	2025			1.441,00	1.441,00	1.441,00				1.441,00	1.441,00				1.441,00	1.441,00				Bổ sung dự án, thực hiện theo cơ chế đặc thù

BIỂU 2. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 XÃ THỐNG NHẤT (VỐN NSTW)																		
(kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 6/11/2025 của HĐND xã Thống Nhất)																		
Đơn vị tính: triệu đồng																		
TT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng		Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 được duyệt			Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp			Số QĐ, ngày tháng, năm	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
								Vốn NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác		Vốn NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác				Vốn NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG						15.752,00	15.027,00	725,00	14.311,00	13.785,00	526,00	-	1.441,00	15.752,00	15.226,00	526,00	
A	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG (KHÔNG BAO GỒM VỐN NSTW THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG)																	
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG						15.752,00	15.027,00	725,00	14.311,00	13.785,00	526,00	-	1.441,00	15.752,00	15.226,00	526,00	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BẢO DTTS&MN						15.752,00	15.027,00	725,00	14.311,00	13.785,00	526,00	-	1.441,00	15.752,00	15.226,00	526,00	
I.1	Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						15.752,00	15.027,00	725,00	14.311,00	13.785,00	526,00	-	1.441,00	15.752,00	15.226,00	526,00	
1	Đường BTXM thôn Suối Vằm, xã Hữu Lân	Xã Hữu Lân	Xã Thống Nhất		2024	280/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	1.260,00	1.200,00	60,00	1.260,00	1.200,00	60,00			1.260,00	1.200,00	60,00	
2	Đường bê tông xi măng thôn Suối Mì	Xã Hữu Lân	Xã Thống Nhất		2024	741/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1.260,00	1.200,00	60,00	1.260,00	1.200,00	60,00			1.260,00	1.200,00	60,00	
3	Đường BTXM thôn Suối Mì (GD2)	Xã Hữu Lân	Xã Thống Nhất		2024	32/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	2.250,00	2.250,00		2.250,00	2.250,00				2.250,00	2.250,00	-	
4	Đường bê tông xi măng thôn Khuổi Luồng (GD 2)	Xã Minh Hiệp	Xã Thống Nhất		2024	741/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1.260,00	1.200,00	60,00	1.260,00	1.200,00	60,00			1.260,00	1.200,00	60,00	
5	Đường BTXM Nhà Thi - Cốc Lại	Xã Minh Hiệp	Xã Thống Nhất		2024	744/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	2.736,00	2.736,00		2.736,00	2.736,00				2.736,00	2.736,00	-	
6	Đường BTXM Hán Sài - Pò Mạ	Xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất		2024	175/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	1.650,00	1.650,00		1.650,00	1.650,00				1.650,00	1.650,00	-	
7	Xây mới NVH thôn Bản Đóc, xã Minh Hiệp	Xã Minh Hiệp	Xã Thống Nhất		2024		450,00	164,00	286,00	450,00	164,00	286,00			450,00	164,00	286,00	
8	Đường bê tông xi măng thôn Khuổi Luồng, xã Minh Hiệp, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Xã Minh Hiệp	Xã Thống Nhất		2024	582/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	1.614,00	1.614,00		1.614,00	1.614,00				1.614,00	1.614,00	-	
9	Đường bê tông xi măng Sham Chơn - Nhà Hao, xã Minh Hiệp, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Xã Minh Hiệp	Xã Thống Nhất		2025	360/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	1.260,00	1.200,00	60,00	1.260,00	1.200,00	60,00			1.260,00	1.200,00	60,00	
10	Đường BTXM Nhà Mò- Khau Phầy - Pò Mạ, xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất		2024	175a/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	571,00	571,00		571,00	571,00				571,00	571,00	-	
11	Sửa chữa nền mặt đường đoạn từ km0+00 - km1+400 ĐH.38	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Thống Nhất		2025										-	-		NQ 41/NQ-HĐND tỉnh đề xuất đơn vị tiếp nhận nợ là UBND xã Thống Nhất. Tuy nhiên chưa rõ nguồn kinh phí bố trí thanh toán, Kinh phí còn nợ là 107,5 triệu
12	Công trình đường BTXM Thôn Bộ		Xã Thống Nhất		2025		1.441,00	1.242,00	199,00					1.441,00	1.441,00	1.441,00		Bổ sung DM

BIỂU 3. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 XÃ THỐNG NHẤT (VỐN NSTW)																																						
(kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 6/11/2025 của HĐND xã Thống Nhất)																																						
Đơn vị tính: triệu đồng																																						
TT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng		Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 được duyệt										Điều chỉnh		Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 sau điều chỉnh										Ghi chú			
													Kế hoạch vốn kéo dài (chuyển nguồn sang năm 2025)					Kế hoạch vốn năm 2025							Kế hoạch vốn kéo dài (chuyển nguồn sang năm 2025)					Kế hoạch vốn năm 2025								
		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Tổng số			Vốn NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Vốn NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	Tổng số	Vốn NSTW	Trong đó			Tổng số	Vốn NSTW	Trong đó			Giảm	Tăng			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Tổng số	Vốn NSTW	Trong đó			Tổng số	Vốn NSTW	Trong đó					
													NST	NSX	Các nguồn vốn khác			NST	NSX	Các nguồn vốn khác			NST	NSX				Các nguồn vốn khác										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24			14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
	TỔNG CỘNG						15.752,00	15.027,00	725,00	13.051,00	12.585,00	466,00	1.785,42	-	-	-	-	-	1.785,42	1.682,43	-	103,00	-	-	-	1.441,00	1.441,00	199,00	199,00	-	-	-	15.553,00	15.027,00	526,00	-	-	
1	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN						15.752,00	15.027,00	725,00	13.051,00	12.585,00	466,00	1.785,42	-	-	-	-	-	1.785,42	1.682,43	-	103,00	-	-	-	1.441,00	1.441,00	199,00	199,00	-	-	-	15.553,00	15.027,00	526,00	-	-	
I.1	Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						15.752,00	15.027,00	725,00	13.051,00	12.585,00	466,00	1.785,42	-	-	-	-	-	1.785,42	1.682,43	-	103,00	-	-	-	1.441,00	1.441,00	199,00	199,00	-	-	-	15.553,00	15.027,00	526,00	-	-	
1	Đường BTXM thôn Suối Vằm, xã Hữu Lân	Xã Hữu Lân	Xã Thống Nhất		2024	280/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	1.260,00	1.200,00	60,00	1.260,00	1.200,00	60,00	43,00						43,00			43,00									1.260,00	1.200,00	60,00					
2	Đường bê tông xi măng thôn Suối Mì	Xã Hữu Lân	Xã Thống Nhất		2024	741/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1.260,00	1.200,00	60,00	2.250,00	2.250,00		300,00						300,00	300,00										1.260,00	1.200,00	60,00						
3	Đường BTXM thôn Suối Mì (GD2)	Xã Hữu Lân	Xã Thống Nhất		2024	32/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	2.250,00	2.250,00		1.260,00	1.200,00	60,00	500,00						500,00	500,00										2.250,00	2.250,00	-						
4	Đường bê tông xi măng thôn Khuổi Luồng (GD 2)	Xã Minh Hiệp	Xã Thống Nhất		2024	741/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1.260,00	1.200,00	60,00	2.736,00	2.736,00		300,00						300,00	300,00										1.260,00	1.200,00	60,00						
5	Đường BTXM Nà Thi - Cốc Lại	Xã Minh Hiệp	Xã Thống Nhất		2024	744/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	2.736,00	2.736,00		1.650,00	1.650,00		50,00						50,00	50,00										2.736,00	2.736,00	-						
6	Đường BTXM Hán Sải - Pò Mạ	Xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất		2024	175/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	1.650,00	1.650,00		450,00	164,00	286,00	400,00						400,00	400,00										1.650,00	1.650,00	-						
7	Xây mới NVH thôn Bản Đóc, xã Minh Hiệp	Xã Minh Hiệp	Xã Thống Nhất		2024		450,00	164,00	286,00	1.614,00	1.614,00		125,00						125,00	125,00										450,00	164,00	286,00						
8	Đường bê tông xi măng thôn Khuổi Luồng, xã Minh Hiệp, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Xã Minh Hiệp	Xã Thống Nhất		2024	582/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	1.614,00	1.614,00		1.260,00	1.200,00	60,00	2,08						2,08	2,08										1.614,00	1.614,00	-						
9	Đường bê tông xi măng Sham Chơn - Nà Hao, xã Minh Hiệp, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Xã Minh Hiệp	Xã Thống Nhất		2025	360/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	1.260,00	1.200,00	60,00	571,00	571,00		60,00						60,00	0,01		60,00								1.260,00	1.200,00	60,00						
10	Đường BTXM Nà Mò- Khau Phầy - Pò Mạ, xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất		2024	175a/QĐ-UBND ngày 27/10/202	571,00	571,00					5,34						5,34	5,34										571,00	571,00	-						
11	Sửa chữa nền mặt đường đoạn từ km0+00 - km1+400 ĐH.38	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Thống Nhất		2025																								-	-	-				NQ 41/NQ-HĐND tỉnh đề xuất đơn vị tiếp nhận nê là UBND xã Thống Nhất. Tuy nhiên chưa			
12	Công trình đường BTXM Thôn Bò		Xã Thống Nhất		2025		1.441,00	1.242,00	199,00															1.441,00	1.441,00	199,00	199,00				1.242,00	1.242,00						

BIỂU 4. BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 XÃ THỐNG NHẤT

(kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 6/11/2025 của HĐND xã Thống Nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt				Điều chỉnh		Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Giảm	Tăng	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
	TỔNG CỘNG	2.394,00	2.205,00	-	189,00	-	1.535,00	3.929,00	3.740,00	-	189,00	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	2.394,00	2.205,00	-	189,00	-	1.535,00	3.929,00	3.740,00	-	189,00	
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc (Sự nghiệp kinh tế)	1.890,00	1.701,00	-	189,00	-	1.500,00	3.390,00	3.201,00	-	189,00	
1.1	Duy tu, sửa chữa đường vào thôn Đông Thoang, xã Thống Nhất	1.890,00	1.701,00		189,00			1.890,00	1.701,00		189,00	
1.2	Duy tu, sửa chữa đường Nà Thì - Bó Tàng - Cốc Lại						1.500,00	1.500,00	1.500,00			Bổ sung DM
2	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	504,00	504,00	-	-	-	35,00	539,00	539,00	-	-	
2.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	347,00	347,00				35,00	382,00	382,00			
2.2	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	52,00	52,00					52,00	52,00			
2.3	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	105,00	105,00	-	-			105,00	105,00	-	-	

BIỂU 4.1. BỔ SUNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2025

(kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 6/11/2025 của HĐND xã Thống Nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn kéo dài (chuyển nguồn sang năm 2025)				Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn Ngân sách xã đối ứng	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
	TỔNG CỘNG	184,00	153,00	-	31,00	184,00	153,00	-	31,00	184,00	153,00	-	31,00	NQ 41 đã bổ sung, tuy nhiên NQ số 15 của HĐND xã và QĐ 126 UBND chưa cập nhật
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	90,00	90,00	-	-	90,00	90,00	-	-	90,00	90,00	-	-	
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	90,00	90,00			90,00	90,00	-	-	90,00	90,00			
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	15,00	6,00	-	9,00	15,00	6,00	-	9,00	15,00	6,00	-	9,00	
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	13,00	6,00		7,00	13,00	6,00		7,00	13,00	6,00		7,00	
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	2,00			2,00	2,00			2,00	2,00			2,00	
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	79,00	57,00	-	22,00	79,00	57,00	-	22,00	79,00	57,00	-	22,00	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Sự nghiệp kinh tế)	79,00	57,00	-	22,00	79,00	57,00	-	22,00	79,00	57,00	-	22,00	
-	<i>Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<i>79,00</i>	<i>57,00</i>		<i>22,00</i>	<i>79,00</i>	<i>57,00</i>		<i>22,00</i>	<i>79,00</i>	<i>57,00</i>		<i>22,00</i>	

BIỂU 5. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 XÃ THỐNG NHẤT (VỐN NSTW)

(kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 6/11/2025 của HĐND xã Thống Nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn bố trí năm 2025				Kế hoạch vốn kéo dài (chuyển nguồn sang năm 2025)				Kế hoạch vốn năm 2025 (cấp mới)				Điều chỉnh (Vốn NSTW - KH vốn kéo dài)		Tổng kế hoạch vốn bố trí năm 2025 sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Giảm	Tăng	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	27
	TỔNG CỘNG	2.394,00	2.205,00	-	189,00	-	-	-	-	2.394,00	2.205,00	-	189,00	-	1.535,00	3.929,00	3.740,00	-	189,00	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	2.394,00	2.205,00	-	189,00	-	-	-	-	2.394,00	2.205,00	-	189,00	-	1.535,00	3.929,00	3.740,00	-	189,00	
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc (Sự nghiệp kinh tế)	1.890,00	1.701,00	-	189,00	-	-	-	-	1.890,00	1.701,00	-	189,00	-	1.500,00	3.390,00	3.201,00	-	189,00	
1.1	Duy tu, sửa chữa đường vào thôn Đông Thoang, xã Thống Nhất	1.890,00	1.701,00	-	189,00	-				1.890,00	1.701,00		189,00			1.890,00	1.701,00	-	189,00	
1.2	Duy tu, sửa chữa đường Nà Thi - Bó Tàng - Cốc Lại			-	-	-									1.500,00	1.500,00	1.500,00	-	-	

BIỂU 6. TỔNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (SAU ĐIỀU CHỈNH)

(kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 6/11/2025 của HĐND xã Thống Nhất)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên chương trình MTQG	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được duyệt										Điều chỉnh (vốn NSTW)				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Ghi chú
		Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đầu tư phát triển				Vốn sự nghiệp				Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đầu tư phát triển				Vốn sự nghiệp						
			Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng (Tinh giao)		Vốn khác	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng		Giảm	Tăng	Giảm		Tăng	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng (Tinh giao)		Vốn khác	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng		
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã				Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã								Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã				Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
1	2		9	10	11	12	14	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	Tổng cộng	12.608,00	-	-	-	-	-	11.073,00	10.637,00	-	436,00	-	-	-	1.535,00	12.608,00	-	-	-	-	-	12.608,00	12.172,00	-	436,00	
1	Vốn đầu tư công (không bao gồm vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia)																									
2	Chương trình mục tiêu quốc gia	12.608,00	-	-	-	-		11.073,00	10.637,00	-	436,00			-	1.535,00	12.608,00	-	-	-	-		12.608,00	12.172,00	-	436,00	
2.1	Chương trình CTMTQG xây dựng nông thôn mới	90,00	-					90,00	90,00							90,00	-					90,00	90,00			
2.2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	2.830,00	-					2.830,00	2.740,00	-	90,00					2.830,00	-					2.830,00	2.740,00	-	90,00	
2.3	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	9.688,00						8.153,00	7.807,00	-	346,00				1.535,00	9.688,00	-	-				9.688,00	9.342,00	-	346,00	

(Kèm theo Tờ trình số -TTr/ĐU ngày /10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Thu

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /10/2025 của UBND xã Thống N

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2025 của HĐND xã Thống

ông Nhất)

hát)

Nhất)